



Trung tâm Công nghệ Thông tin và Cơ sở Dữ liệu – ĐHXD Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 101. H1 số 55 Giải phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.3863.0001- Email: tccntt@huce.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

TÍNH KHỐI LƯỢNG GIẢNG DẠY

PHÂN HỆ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(DÀNH CHO GIẢNG VIÊN, TRƯỞNG BỘ MÔN)

Hà Nội – 2026

GIỚI THIỆU

Phần mềm này dùng để tính khối lượng giờ dạy quy đổi các lớp đại học hệ chính quy. Giờ giảng dạy quy đổi được tính toán theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 ban hành kèm theo quyết định số 1124/QĐ-ĐHXDHN Ngày 30/06/2025.

Quy trình tổng quan

Bước 1: Phòng QL Đào tạo thiết lập các thông số ban đầu để tính khối lượng giảng dạy.

Bước 2: Giảng viên vào Website <http://e.huce.edu.vn> để kiểm tra các lớp học phần phân công giảng dạy trong học kỳ (danh sách lớp học phần, tính chất môn học, số tiết lý thuyết, số tiết thực hành theo kế hoạch) và kê khai giờ dạy theo kế hoạch (đối với các lớp có nhiều GV dạy, nhiều hướng dẫn đồ án MH, đồ án tốt nghiệp).

Bước 3: Trưởng bộ môn duyệt khối lượng giảng dạy của từng giảng viên trong Bộ môn.

Bước 4: Phòng QL Đào tạo tính khối lượng giờ quy đổi.

MỤC LỤC

1. Hướng dẫn sử dụng dành cho giảng viên (GV).....	4
Bước 1: GV đăng nhập hệ thống tính khối lượng giảng dạy.....	4
Bước 2: Kiểm tra danh mục các môn học giảng dạy trong học kỳ	6
Bước 3: Nhập số tiết thực dạy (số tiết dạy, số sinh viên hướng dẫn đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp ...) của lớp học phần có nhiều GV giảng dạy.	7
Bước 4: GV xem và kiểm tra số giờ dạy quy đổi	14
2. Hướng dẫn sử dụng dành cho trưởng bộ môn (TBM)	15
Bước 1: TBM đăng nhập hệ thống tính khối lượng giảng dạy.....	15
Bước 2: TBM kiểm tra danh mục các môn học giảng dạy trong học kỳ của cá nhân và các giảng viên trong bộ môn.	18
Bước 3: TBM nhập giờ dạy theo kế hoạch của cá nhân (dạy lý thuyết, đánh giá học phần, HD thực hành, ...).	19
Bước 4: Cập nhật giờ dạy thực tế của GV thuộc bộ môn.....	20
Bước 5: TBM thống kê, kiểm tra, duyệt giờ dạy theo kế hoạch toàn Bộ môn.....	23
Bước 6: TBM xem và kiểm tra giờ dạy quy đổi.....	23

(HUCE) Tài liệu hướng dẫn sử dụng

Module tính toán khối lượng giảng dạy phân hệ đào tạo Đại học

1. Hướng dẫn sử dụng dành cho giảng viên (GV)

Bước 1: GV đăng nhập hệ thống tính khối lượng giảng dạy

GV truy cập đường dẫn: <https://e.huce.edu.vn/> và có thể sử dụng một trong hai cách sau để đăng nhập vào hệ thống:

✓ **Cách thứ nhất:** GV sử dụng tài khoản thư điện tử có định dạng @huce để đăng nhập



Hình minh họa giao diện đăng nhập hệ thống

GV nhấn vào



Đăng nhập bằng tài khoản Google

Sign in with Google

Sign in
to continue to klgd.huce.edu.vn

Email or phone

[Forgot email?](#)

To continue, Google will share your name, email address, language preference, and profile picture with klgd.huce.edu.vn.

[Create account](#) [Next](#)

English (United States) [Help](#) [Privacy](#) [Terms](#)

Hình minh họa giao diện đăng nhập tài khoản người dùng

✓ **Cách thứ hai:** GV dùng tài khoản Eoffice để đăng nhập:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI
Hanoi University of Civil Engineering

ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

Tên đăng nhập (*Sử dụng tài khoản eoffice để đăng nhập*) **1**

Mật khẩu **2**

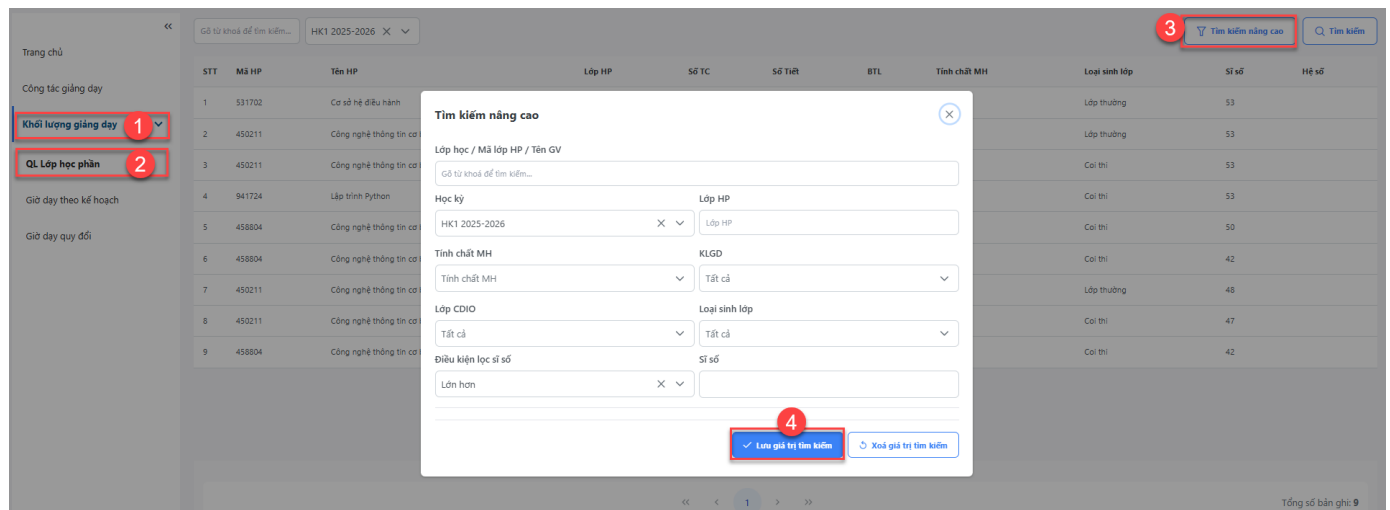
Đăng nhập **3**

hoặc

G Đăng nhập bằng tài khoản Email Nhà trường cấp (định dạng: @huce.edu.vn)

Hình minh họa giao diện đăng nhập tài khoản người dùng

Bước 2: Kiểm tra danh mục các môn học giảng dạy trong học kỳ



STT	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	Số TC	Số Tiết	BTL	Tính chất MH	Loại sinh lớp	Sĩ số	Hệ số
1	531702	Cơ sở hệ điều hành	69IT5	2	30	0	Giảng dạy	Lớp thường	53	
2	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	Lớp thường	53	
3	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	Coi thi	53	
4	941724	Lập trình Python	70D5			0		Coi thi	53	
5	458804	Công nghệ thông tin cơ bản	70KD4	2	30	0	Giảng dạy	Coi thi	50	
6	458804	Công nghệ thông tin cơ bản	70KDMT	2	30	0	Giảng dạy	Coi thi	42	
7	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70LGT2	2	30	0	Giảng dạy	Lớp thường	48	
8	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70VL2	2	30	0	Giảng dạy	Coi thi	47	
9	458804	Công nghệ thông tin cơ bản	70KDC4	2	30	0	Giảng dạy	Coi thi	42	

Hình minh họa giao diện danh mục các môn học của học kỳ

Tại màn hình QL lớp học phần GV kiểm tra thông tin lớp học phần được phân công trong học kỳ. Có thể sử dụng bộ lọc trong tìm kiếm nâng cao hỗ trợ để tìm kiếm lớp học phần.

1. Nhấn vào Khối lượng giảng dạy.
2. Nhấn vào QL lớp học phần.

3. GV nhấn vào  để lọc ra các lớp học phần.
4. Lưu giá trị tìm kiếm.

Bước 3: Nhập số tiết thực dạy (số tiết dạy, số sinh viên hướng dẫn đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp ...) của lớp học phần có nhiều GV giảng dạy.

The screenshot shows the 'Giờ dạy theo kế hoạch' (Teaching Schedule) section of the software. A modal window titled 'Tìm kiếm nâng cao' (Advanced Search) is open, allowing users to filter teaching hours by class, semester, and other criteria. The main table lists teaching hours for various classes, with columns for 'Tổng thực dạy/HĐ' (Total actual teaching/HD) and 'Tỉ lệ thực dạy/HĐ' (Ratio of actual teaching/HD). The 'Giờ dạy theo kế hoạch' section is highlighted with a red box and a red circle with the number 2.

Mã HP	Tên HP	Lớp HP	Số TC	Số Tiết	BTL	Tính chất MH	Số GV	Tổng thực dạy/HĐ	Tỉ lệ thực dạy/HĐ	Loại hình GD	Trạng thái
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	53	0,00	100	Day lý thuyết	BM chưa duyệt
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	53	0,00	100	Coi thi	BM chưa duyệt
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	53	0,00	100	Ra đề	BM chưa duyệt
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	53	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm thường xuyên	BM chưa duyệt
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	53	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc	BM chưa duyệt
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70LGT2	2	30	0	Giảng dạy	48	0,00	100	Day lý thuyết	BM chưa duyệt
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70LGT2	2	30	0	Giảng dạy	48	0,00	100	Ra đề	BM chưa duyệt
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70LGT2	2	30	0	Giảng dạy	48	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm thường xuyên	BM chưa duyệt
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70LGT2	2	30	0	Giảng dạy	48	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc	BM chưa duyệt

Hình minh họa giao diện nhập số giờ dạy theo kế hoạch

GV kiểm tra thông tin khối lượng (số tiết dạy thực tế, số sinh viên hướng dẫn ĐAMH, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn đồ án tốt nghiệp, ...) giảng dạy của lớp học phần:

- Các lớp học phần chỉ có 01 GV giảng dạy hệ thống sẽ tự động điền giá trị thực dạy của môn học.

- Các lớp học phần có 02 GV phụ trách trở lên, GV khai báo giá trị thực dạy của cá nhân và giảng viên kiểm tra bằng cách chọn vào tên Lớp HP sau đó xuất hiện màn hình Khối lượng giảng dạy học phần có khối lượng chi tiết từng GV đã khai báo cho Lớp HP đó.

Trang chủ

Công tác giảng dạy

Khối lượng giảng dạy

QL Lớp học phần

Giờ dạy theo kế hoạch

Giờ dạy quy đổi

Thống kê

450211

HK1 2025-2026

Tìm kiếm nâng cao

Tìm kiếm

Thao tác

☐	Bộ môn	Giảng viên	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	Số TC	Số Tiết	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HĐ	Tỉ lệ thực dạy/HĐ	Loại hình GD	Trạng thái
☐			450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70X05	2	30	0	Giảng dạy	56	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc Nhập Sĩ số	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70X05	2	30	0	Giảng dạy	56	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc Nhập Sĩ số	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	53	0,00	100	Day lý thuyết Nhập Sĩ tiết	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	53	60,00	100	Coi thi Nhập Sĩ phút	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	53	0,00	100	Ra đề Nhập Sĩ tín chỉ	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	53	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm thường xuyên Nhập Sĩ số	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3	2	30	0	Giảng dạy	53	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc Nhập Sĩ số	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70LGT2	2	30	0	Giảng dạy	48	0,00	100	Day lý thuyết Nhập Sĩ tiết	BM chưa duyệt

<<

<

1

>

>>

Tổng số bản ghi: 36

Trang chủ

450211

HK1 2025-2026

Tìm kiếm nâng cao

Tìm kiếm

Thao tác

Công tác giảng dạy

QL Lớp học phần

Giáo dạy theo kế hoạch

Giáo dạy quy đổi

Thống kê

Khối lượng giảng dạy lớp học phần

Xuất excel

Bộ môn	Giảng viên	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	ST LT	ST TH	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HĐ	Tỉ lệ thực dạy/HĐ	Loại hình GD	Trạng thái
Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3			0	Giảng dạy	53	0	100	Day lý thuyết	BM chưa duyệt
Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3			0	Giảng dạy	53	60	100	Coi thi	BM chưa duyệt
Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3			0	Giảng dạy	53	0	100	Ra đề	BM chưa duyệt
Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3			0	Giảng dạy	53	0	100	[Chấm thi học phần] điểm thường xuyên	BM chưa duyệt
Khoa học máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3			0	Giảng dạy	53	0	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc	BM chưa duyệt
Kỹ thuật máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3			0	Giảng dạy	53	30	100	Day lý thuyết	Đào tạo đã duyệt
Kỹ thuật máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3			0	Giảng dạy	53	60	100	Coi thi	Đào tạo đã duyệt
Kỹ thuật máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3			0	Giảng dạy	53	2	100	Ra đề	Đào tạo đã duyệt
Kỹ thuật máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3			0	Giảng dạy	53	53	100	[Chấm thi học phần] điểm thường xuyên	Đào tạo đã duyệt
Kỹ thuật máy tính		450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70CD3			0	Giảng dạy	53	53	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc	Đào tạo đã duyệt

Lưu ý: Khối lượng giảng dạy của 1 lớp học phần sẽ có nhiều thành phần khối lượng. GV cập nhật khối lượng theo đúng thành phần được hiển thị tại ô **Loại hình giảng dạy (Loại hình GD)**

- Loại hình giảng dạy là Day lý thuyết với Tính chất Môn học là Giảng dạy. Tổng thực dạy = số Tín chỉ * 15 (tiết/1 tín chỉ). Ví dụ môn học 2 TC thì GV sẽ nhập là 30 nếu lớp HP đó chỉ có 1 GV giảng dạy

Trang chủ	Gõ từ khóa để tìm kiếm...	HK1 2025-2026	Tìm kiếm nâng cao	Tìm kiếm	Thao tác
Công tác giảng dạy					
Khởi lượng giảng dạy					
QL Lớp học phần					
Giờ dạy theo kế hoạch					
Giờ dạy quy đổi					
Thống kê					

Bộ môn	Giảng viên	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	Số TC	Số Tiết	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HĐ	Tỉ lệ thực dạy/HĐ	Loại hình GD	Trạng thái
☐	Khoa học máy tính	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70X05	2	30	0	Giảng dạy	56	30,00	100	Dạy lý thuyết Nhập 50 tiết	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70X05	2	30	0	Giảng dạy	56	60,00	100	Coi thi Nhập 50 phút	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70X05	2	30	0	Giảng dạy	56	0,00	100	Ra đề Nhập 50 tin chỉ	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70X05	2	30	0	Giảng dạy	56	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm thường xuyên Nhập 50 số	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70X05	2	30	0	Giảng dạy	56	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc Nhập 50 số	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70XL2	2	30	0	Giảng dạy	47	0,00	100	Dạy lý thuyết Nhập 50 tiết	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70XL2	2	30	0	Giảng dạy	47	0,00	100	Ra đề Nhập 50 tin chỉ	BM chưa duyệt
☐	Khoa học máy tính	450211	Công nghệ thông tin cơ bản	70XL2	2	30	0	Giảng dạy	47	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm thường xuyên Nhập 50 số	BM chưa duyệt

- Loại hình GD là HD thực hành với tính chất MH là Thực hành Tổng thực dạy là số Tín chỉ * 30 (tiết/ 1TC). Ví dụ môn học 1 TC thì GV sẽ nhập là 30 nếu lớp HP đó chỉ có 1 GV giảng dạy

Trang chủ	65EVNHN	HK1 2025-2026	Tìm kiếm nâng cao	Tìm kiếm	Thao tác
Công tác giảng dạy					
Khởi lượng giảng dạy					
Thiết lập hệ số tính KLGD					
QL Môn học					
QL Lớp học phần					
Quyết định HBTN					
QB Tham Quan - Thực tập tốt...					
Giờ dạy theo kế hoạch					
Tính KLGD					
Giờ dạy quy đổi					

Bộ môn	Giảng viên	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	Số TC	Số Tiết	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HĐ	Tỉ lệ thực dạy/HĐ	Loại hình GD	Trạng thái
☐	Vi khí hậu	100302	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	65EVNHN	2	30	0	Giảng dạy	81	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc Nhập 50 số	BM chưa duyệt
☐	Vi khí hậu	100302	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	65EVNHN	2	30	0	Giảng dạy	81	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc Nhập 50 số	BM chưa duyệt
☐	Trắc địa	140202	Thực tập trắc địa	65EVNHN	1	30	0	Thực hành	80	0,00	100	HD thực hành Nhập 50 tiết	BM chưa duyệt
☐	Trắc địa	140202	Thực tập trắc địa	65EVNHN	1	30	0	Thực hành	80	30,00	100	HD thực hành Nhập 50 tiết	BM chưa duyệt
☐	Trắc địa	140202	Thực tập trắc địa	65EVNHN	1	30	0	Thực hành	80	0,00	100	HD thực hành Nhập 50 tiết	BM chưa duyệt
☐	Trắc địa	140202	Thực tập trắc địa	65EVNHN	1	30	0	Thực hành	80	0,00	100	Ra đề Nhập 50 tin chỉ	BM chưa duyệt
☐	Trắc địa	140202	Thực tập trắc địa	65EVNHN	1	30	0	Thực hành	80	0,00	100	Ra đề Nhập 50 tin chỉ	BM chưa duyệt
☐	Trắc địa	140202	Thực tập trắc địa	65EVNHN	1	30	0	Thực hành	80	0,00	100	Ra đề Nhập 50 tin chỉ	BM chưa duyệt

- Loại hình GD là coi thi, **mỗi** GV sẽ nhập số phút coi thi của Lớp HP đó. Ví dụ môn đó là 2TC thì số phút thi là 60, môn 3 TC số phút là 90

Trang chủ	65EVNHN	HK1 2025-2026	X		Tìm kiếm nâng cao	Tìm kiếm	Thao tác
Công tác giảng dạy							
Khối lượng giảng dạy							
Thiết lập hệ số tính KLGD							
QL Môn học							
QL Lớp học phần							
Quyết định HDTN							
QĐ Tham Quan - Thực tập tốt...							
Giờ dạy theo kế hoạch							
Tính KLGD							
Giờ dạy quy đổi							

Bộ môn	Giảng viên	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	Số TC	Số Tiết	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HD	Tỉ lệ thực dạy/HD	Loại hình GD	Trạng thái
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	0,00	100	Dạy lý thuyết Nhập 50 tiết	BM chưa duyệt
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	60,00	100	Coi thi Nhập 50 phút	BM chưa duyệt
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	60,00	100	Coi thi Nhập 50 phút	BM chưa duyệt
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	2,00	100	Ra đề Nhập 50 tin chỉ	BM chưa duyệt
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	81,00	100	[Chấm thi học phần] điểm thường xuyên Nhập 50 số	BM chưa duyệt
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	0,00	100	[Chấm thi học phần] bài tập lớn Nhập 50 số	BM chưa duyệt
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	0,00	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc Nhập 50 số	BM chưa duyệt
☐	Công nghệ và Quản lý môi trường	100201	Môi trường và phát triển bền vững	65EVNHN	2	30	0	Giảng dạy	79	0,00	100	Dạy lý thuyết Nhập 50 tiết	BM chưa duyệt

- Loại hình GD chấm thi học phần điểm kết thúc, GV nhập số Sinh viên. Ví dụ, lớp có số 81 SV thì GV nhập là 81

Trang chủ	65EVNHN	HK1 2025-2026	X		Tìm kiếm nâng cao	Tìm kiếm	Thao tác
Công tác giảng dạy							
Khối lượng giảng dạy							
Thiết lập hệ số tính KLGD							
QL Môn học							
QL Lớp học phần							
Quyết định HDTN							
QĐ Tham Quan - Thực tập tốt...							
Giờ dạy theo kế hoạch							
Tính KLGD							
Giờ dạy quy đổi							

Bộ môn	Giảng viên	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	Số TC	Số Tiết	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HD	Tỉ lệ thực dạy/HD	Loại hình GD	Trạng thái
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	60,00	100	Coi thi Nhập 50 phút	BM chưa duyệt
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	2,00	100	Ra đề Nhập 50 tin chỉ	BM chưa duyệt
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	81,00	100	[Chấm thi học phần] điểm thường xuyên Nhập 50 số	BM chưa duyệt
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	0,00	100	[Chấm thi học phần] bài tập lớn Nhập 50 số	BM chưa duyệt
☐	Sức bền vật liệu	060222	Sức bền vật liệu 2	65EVNHN	2	30	1	Giảng dạy	81	81,00	100	[Chấm thi học phần] điểm kết thúc Nhập 50 số	BM chưa duyệt
☐	Công nghệ và Quản lý môi trường	100201	Môi trường và phát triển bền vững	65EVNHN	2	30	0	Giảng dạy	79	0,00	100	Dạy lý thuyết Nhập 50 tiết	BM chưa duyệt
☐	Công nghệ và Quản lý môi trường	100201	Môi trường và phát triển bền vững	65EVNHN	2	30	0	Giảng dạy	79	60,00	100	Coi thi Nhập 50 phút	BM chưa duyệt
☐	Công nghệ và Quản lý môi trường	100201	Môi trường và phát triển bền vững	65EVNHN	2	30	0	Giảng dạy	79	60,00	100	Coi thi Nhập 50 phút	BM chưa duyệt

➤ GV khai báo khối lượng Đồ án tốt nghiệp theo cách sau:

Cách 1: Khai báo theo Tổng thực dạy/HD

Cột Tổng thực dạy/HD giảng viên cập nhập đúng số lượng sinh viên được phân công hướng dẫn, cột Tỉ lệ thực dạy/HD là 100%

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI
Hanoi University of Civil Engineering

Gõ từ khóa để tìm kiếm... HK1 2023-2024 X

Trang chủ
Công tác giảng dạy
Khối lượng giảng dạy
QL Lớp học phần
Giờ dạy theo kế hoạch
Giờ dạy quy đổi

Tìm kiếm nâng cao Tìm kiếm Thao tác

Mã HP	Tên HP	Lớp HP	ST LT	ST TH	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HD	Tỉ lệ thực dạy/HD	Loại hình GD	Trạng thái
608824	Đồ án tốt nghiệp	64CS	0	0	0	Đồ án tốt nghiệp	13	5,00	100	Hướng dẫn ĐATN	BM chưa duyệt
608824	Đồ án tốt nghiệp	64CS	0	0	0	Đồ án tốt nghiệp	13	5,00	100	Chấm sơ khảo ĐATN	BM chưa duyệt

Cách 2: Khai báo theo Tỉ thực dạy/HD

GV cập nhập theo đúng sĩ số của lớp học phần hướng dẫn đồ án tốt nghiệp vào cột Tổng thực dạy/HD, cột Tỉ lệ thực dạy/HD giảng viên nhập theo tỉ lệ: số sinh viên được phân công hướng dẫn chia cho sĩ số của lớp học phần đó.

➤ Trường hợp lớp có nhiều GV hướng dẫn và mỗi GV hướng dẫn các nội dung khác nhau ta có thể khai báo kết hợp theo Tổng thực dạy/HD và theo Tỉ lệ thực dạy/HD.

Trang chủ
Công tác giảng dạy
Khối lượng giảng dạy
Thiết lập hệ số tính KLGD
QL Môn học
QL Lớp học phần
Quyết định HDTN
QB Tham Quan - Thực tập tốt...
Giờ dạy theo kế hoạch
Giờ dạy quy đổi
Tính KLGD

Gõ từ khóa để tìm kiếm... HK1 2023-2024 X

Tìm kiếm nâng cao Tìm kiếm Thao tác

Bộ môn	Giảng viên	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	ST LT	ST TH	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HD	Tỉ lệ thực dạy/HD	Loại hình GD	Trạng thái	
☐	Bộ môn Đường ống - Đường đô thị	Đinh Văn Hiệp	120404	Đồ án tốt nghiệp	64CD1.01	0	285	0	Đồ án tốt nghiệp	81	5,00	50	Hướng dẫn ĐATN	BM chưa duyệt
☐	Bộ môn Đường ống - Đường đô thị	Nguyễn Văn Bình	120404	Đồ án tốt nghiệp	64CD1.01	0	285	0	Đồ án tốt nghiệp	81	5,00	50	Hướng dẫn ĐATN	BM chưa duyệt
☐	Bộ môn Đường ống - Đường đô thị	Cao Phú Cường	120404	Đồ án tốt nghiệp	64CD1.01	0	285	0	Đồ án tốt nghiệp	81	10,00	30	Hướng dẫn ĐATN	BM chưa duyệt
☐	Bộ môn Đường ống - Đường đô thị	Đỗ Duy Định	120404	Đồ án tốt nghiệp	64CD1.01	0	285	0	Đồ án tốt nghiệp	81	10,00	20	Hướng dẫn ĐATN	BM chưa duyệt
☐	Bộ môn Đường ống - Đường đô thị	Vũ Ngọc Trụ	120404	Đồ án tốt nghiệp	64CD1.01	0	285	0	Đồ án tốt nghiệp	81	10,00	20	Hướng dẫn ĐATN	BM chưa duyệt
☐	Bộ môn Đường ống - Đường đô thị	Vũ Minh Tâm	120404	Đồ án tốt nghiệp	64CD1.01	0	285	0	Đồ án tốt nghiệp	81	10,00	30	Hướng dẫn ĐATN	BM chưa duyệt
☐	Bộ môn Đường ống - Đường đô thị	Vũ Minh Tâm	120404	Đồ án tốt nghiệp	64CD1.01	0	285	0	Đồ án tốt nghiệp	81	20,00	25	Chấm sơ khảo ĐATN	BM chưa duyệt
☐	Bộ môn Đường ống - Đường đô thị	Vũ Ngọc Trụ	120404	Đồ án tốt nghiệp	64CD1.01	0	285	0	Đồ án tốt nghiệp	81	20,00	25	Chấm sơ khảo ĐATN	BM chưa duyệt
☐	Bộ môn Đường ống - Đường đô thị	Đỗ Duy Định	120404	Đồ án tốt nghiệp	64CD1.01	0	285	0	Đồ án tốt nghiệp	81	20,00	50	Chấm sơ khảo ĐATN	BM chưa duyệt

➤ Sau khi chỉnh sửa thông tin khối lượng giảng dạy, GV lưu kết quả bằng nút **Thao tác** → **Lưu thực dạy**

Mã HP	Tên HP	Lớp HP	ST LT	ST TH	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HĐ	Tỉ lệ thực dạy/HĐ	Loại hình GD	Trạng thái
608807	Học máy	68CS1	36	21		Lý thuyết và thực hành	50	36.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608807	Học máy	68CS1	36	21		Lý thuyết và thực hành	50	50.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608807	Học máy	68CS1	36	21		Lý thuyết và thực hành	50	21.00	100	HD thực hành	BM chưa duyệt
608808	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	68CS2	45	0		Lý thuyết	50	45.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608808	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	68CS2	45	0		Lý thuyết	50	50.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608800	Giải thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	21.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608800	Giải thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	9.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608800	Giải thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	21.00	100	HD thực hành	BM chưa duyệt
608805	Tham quan, thực tập	68CS1	0	30		Thực tập, Tham quan	40	40.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt

Hình minh họa giao diện thực hiện thao tác lưu tổng thực dạy/HĐ

GV khai báo xong các giá trị thực dạy của lớp học phần, trưởng bộ môn có trách nhiệm duyệt khai báo khối lượng giảng dạy của GV trước khi phòng QL Đào tạo tính khối lượng giảng dạy giờ quy đổi của GV.

GV khai báo và lưu giá trị giờ dạy theo kế hoạch xong có thể xuất ra file excel để kiểm tra, rà soát.

Mã HP	Tên HP	Lớp HP	ST LT	ST TH	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HĐ	Tỉ lệ thực dạy/HĐ	Loại hình GD	Trạng thái
608808	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	68CS2	45	0		Lý thuyết	50	45.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608808	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	68CS2	45	0		Lý thuyết	50	50.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608800	Giải thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	21.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608800	Giải thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	43.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608800	Giải thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	9.00	100	HD thực hành	BM chưa duyệt
608805	Tham quan, thực tập	68CS1	0	30		Thực tập, Tham quan	40	40.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608805	Tham quan, thực tập	68CS1	0	30		Thực tập, Tham quan	40	40.00	100	HD đồ án MH cơ sở	BM chưa duyệt
608805	Tham quan, thực tập	68CS2	0	30		Thực tập, Tham quan	40	40.00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
608805	Tham quan, thực tập	68CS2	0	30		Thực tập, Tham quan	40	40.00	100	HD đồ án MH cơ sở	BM chưa duyệt

Hình minh họa giao diện thực hiện thao tác xuất file excel

STT	Bộ môn	Giảng viên	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	ST LT	ST TH	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HĐ	Tỉ lệ thực dạy/HĐ	Loại hình GD	Trạng thái
1	1 Bộ môn		608823	Thực tập tốt nghiệp	64CS	0	0	0	Thực tập cán bộ kỹ thuật	13	0	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
2	2 Bộ môn		608823	Thực tập tốt nghiệp	64CS	0	0	0	Thực tập cán bộ kỹ thuật	13	0	100	TTCB kỹ thuật - 5 tuần	BM chưa duyệt
3	3 Bộ môn		608824	Đồ án tốt nghiệp	64CS	0	0	0	Đồ án tốt nghiệp	13	0	100	Hướng dẫn DATN	BM chưa duyệt
4	4 Bộ môn		608824	Đồ án tốt nghiệp	64CS	0	0	0	Đồ án tốt nghiệp	13	0	100	Chấm sơ khảo DATN	BM chưa duyệt
5	5 Bộ môn		608824	Đồ án tốt nghiệp	64CS	0	0	0	Đồ án tốt nghiệp	13	0	100	UVHD chấm DATN	BM chưa duyệt
6	6 Bộ môn		608807	Học máy	66CS1	36	21	0	Lý thuyết và thực hành	50	36	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
7	7 Bộ môn		608807	Học máy	66CS1	36	21	0	Lý thuyết và thực hành	50	36	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
8	8 Bộ môn		608807	Học máy	66CS1	36	21	0	Lý thuyết và thực hành	50	21	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
9	9 Bộ môn		608808	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	66CS2	45	0	0	Lý thuyết	50	45	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
10	10 Bộ môn		608808	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	66CS2	45	0	0	Lý thuyết	50	45	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
11	11 Bộ môn		608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	21	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
12	12 Bộ môn		608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	21	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
13	13 Bộ môn		608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	9	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
14	14 Bộ môn		608805	Tham quan, thực tập	68CS1	0	30	0	Thực tập, Tham quan	40	40	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
15	15 Bộ môn		608805	Tham quan, thực tập	68CS1	0	30	0	Thực tập, Tham quan	40	40	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
16	16 Bộ môn		608805	Tham quan, thực tập	68CS2	0	30	0	Thực tập, Tham quan	40	40	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
17	17 Bộ môn		608805	Tham quan, thực tập	68CS2	0	30	0	Thực tập, Tham quan	40	40	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
18	18 Bộ môn		608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS3	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	0	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
19	19 Bộ môn		608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS3	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	0	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
20	20 Bộ môn		608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS3	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	0	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
21	21 Bộ môn		608805	Tham quan, thực tập	68CS3	0	30	0	Thực tập, Tham quan	49	49	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
22	22 Bộ môn		608805	Tham quan, thực tập	68CS3	0	30	0	Thực tập, Tham quan	49	49	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
23	23 Bộ môn		608803	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	LOPNV27	30	27	0	Lý thuyết và thực hành	21	30	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
24	24 Bộ môn		608803	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	LOPNV27	30	27	0	Lý thuyết và thực hành	21	21	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
25	25 Bộ môn		608803	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	LOPNV27	30	27	0	Lý thuyết và thực hành	21	27	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
26	26 Bộ môn		608803	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	LOPNV27	30	27	0	Lý thuyết và thực hành	21	27	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt

Hình minh họa giao diện xuất ra file excel

Bước 4: GV xem và kiểm tra số giờ dạy quy đổi

Sau khi phòng Quản lý Đào tạo duyệt khối lượng giảng dạy cho GV, GV thực hiện theo các bước sau để vào xem và kiểm tra giờ dạy quy đổi:

Mã HP	Tên HP	Lớp HP	ST LT	ST TH	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HĐ	Tỉ lệ thực dạy/HĐ	Loại hình GD	Khối lượng
608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	21	100	Đánh giá HP	25.2
608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	43	100	Đánh giá HP	15.48
608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS1	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	9	100	Đánh giá HP	11.61
608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS3	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	21	100	Đánh giá HP	25.2
608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS3	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	43	100	Đánh giá HP	15.48
608800	Giới thiệu ngành Khoa học máy tính	68CS3	21	9	0	Lý thuyết và thực hành	43	9	100	Đánh giá HP	11.61
608805	Tham quan, thực tập	68CS1	0	30	0	Thực tập, Tham quan	40	40	100	Đánh giá HP	14.4
608805	Tham quan, thực tập	68CS2	0	30	0	Thực tập, Tham quan	40	40	100	Đánh giá HP	14.4
608807	Học máy	66CS1	36	21	0	Lý thuyết và thực hành	50	36	100	Đánh giá HP	43.2
608807	Học máy	66CS1	36	21	0	Lý thuyết và thực hành	50	50	100	Đánh giá HP	18
608807	Học máy	66CS1	36	21	0	Lý thuyết và thực hành	50	21	100	Đánh giá HP	31.5
608808	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	66CS2	45	0	0	Lý thuyết	50	45	100	Đánh giá HP	54
608808	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	66CS2	45	0	0	Lý thuyết	50	50	100	Đánh giá HP	18

Hình minh họa giao diện thao tác xem giờ dạy quy đổi

Tại màn hình này GV có thể xuất ra file excel và file pdf khối lượng giảng dạy sau khi đã được quy đổi.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI
Hanoi University of Civil Engineering

ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

Tên đăng nhập

Nhập tên đăng nhập

Mật khẩu

Nhập mật khẩu

Đăng nhập

hoặc

Đăng nhập bằng tài khoản Google

Hình minh họa giao diện đăng nhập hệ thống

TBM nhấn vào

Đăng nhập bằng tài khoản Google

Sign in with Google

Sign in
to continue to klgd.huce.edu.vn

Email or phone
nguyenvanA@huce.edu.vn

[Forgot email?](#)

To continue, Google will share your name, email address, language preference, and profile picture with klgd.huce.edu.vn.

[Create account](#) [Next](#)

English (United States) Help Privacy Terms

Hình minh họa giao diện đăng nhập tài khoản người dùng

✓ **Cách thứ hai:** TBM dùng tài khoản Eoffice để đăng nhập



TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI
Hanoi University of Civil Engineering

ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

Tên đăng nhập *(Sử dụng tài khoản eoffice để đăng nhập)*

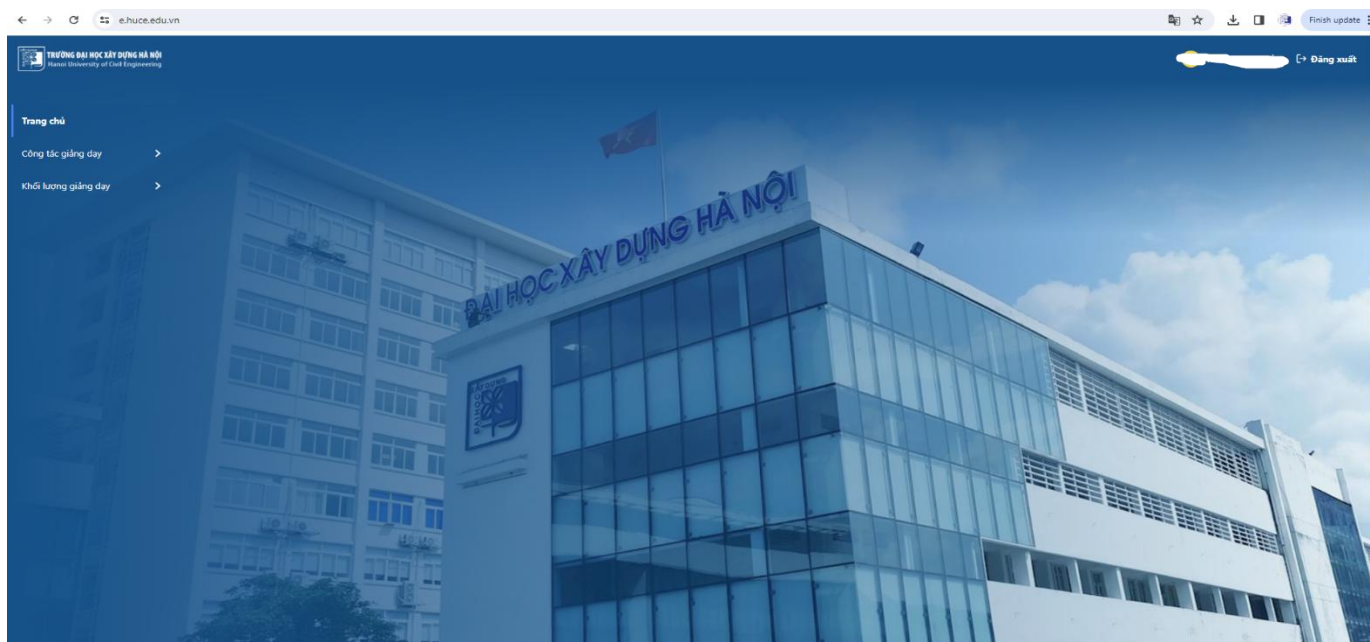
Mật khẩu

Đăng nhập

hoặc

G **Đăng nhập bằng tài khoản Email Nhà trường cấp (định dạng: @huce.edu.vn)**

Hình minh họa giao diện đăng nhập tài khoản người dùng



Hình minh họa giao diện màn hình của trường bộ môn

Bước 2: TBM kiểm tra danh mục các môn học giảng dạy trong học kỳ của cá nhân và các giảng viên trong bộ môn.

STT	Giảng viên	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	ST LT	ST TH	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Hệ số ngoài trời
1		608823	Thực tập tốt nghiệp	64CS	0	0		Thực tập cán bộ kỹ thuật	13	
2		608823	Thực tập tốt nghiệp	64CS	0	0		Thực tập cán bộ kỹ thuật	13	
3		608823	Thực tập tốt nghiệp	64CS	0	0		Thực tập cán bộ kỹ thuật	13	
4		608823	Thực tập tốt nghiệp	64CS	0	0		Thực tập cán bộ kỹ thuật	13	
5		608823	Thực tập tốt nghiệp	64CS	0	0		Thực tập cán bộ kỹ thuật	13	
6		608824	Đồ án tốt nghiệp	64CS	0	0		Đồ án tốt nghiệp	13	
7		608824	Đồ án tốt nghiệp	64CS	0	0		Đồ án tốt nghiệp	13	
8		608824	Đồ án tốt nghiệp	64CS	0	0		Đồ án tốt nghiệp	13	
9		608824	Đồ án tốt nghiệp	64CS	0	0		Đồ án tốt nghiệp	13	
10		608824	Đồ án tốt nghiệp	64CS	0	0		Đồ án tốt nghiệp	13	
11		608816	Khai phá dữ liệu	65CS1	45	0		Lý thuyết	44	
12		608818	Phát triển ứng dụng đa nền tảng	65CS1	45	0		Lý thuyết	50	
13		608819	Đồ án Phát triển ứng dụng đa nền tảng	65CS1	0	30		Đồ án chuyên môn	49	
14		608818	Phát triển ứng dụng đa nền tảng	65CS2	45	0		Lý thuyết	50	

Hình minh họa giao diện danh mục các môn học giảng dạy trong học kỳ

Tại màn hình QL lớp học phần TBM kiểm tra thông tin lớp học phần được phân công trong học kỳ. Có thể sử dụng các bộ lọc hỗ trợ để tìm kiếm GV, lớp học phần, ...

Tìm kiếm nâng cao

Lớp học / Mã lớp HP / Tên GV
 Giảng viên
 Học kỳ
 HK1 2023-2024
 Lớp HP
 Tính chất MH
 Tính chất MH
 Tính Kĩd
 Tất cả
 Tất cả
 Điều kiện lọc sĩ số
 Lớn hơn
 Sĩ số

Hình minh họa giao diện tìm kiếm các lớp học phần giảng dạy trong học kỳ

Bước 3: TBM nhập giờ dạy theo kế hoạch của cá nhân (dạy lý thuyết, đánh giá học phần, HD thực hành, ...).

Bộ môn	Giảng viên	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	ST LT	ST TH	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HĐ	Tỉ lệ thực dạy/HĐ	Loại hình GD	Trạng thái
☐ Bộ môn		60816	Khai phá dữ liệu	65CS3	45	0		Lý thuyết	33		100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
☐ Bộ môn		60818	Phát triển ứng dụng đa nền tảng	65CS3	45	0		Lý thuyết	35		100	Day lý thuyết	BM chưa duyệt
☐ Bộ môn		60818	Phát triển ứng dụng đa nền tảng	65CS3	45	0		Lý thuyết	35		100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
☐ Bộ môn		60819	Đồ án Phát triển ứng dụng đa nền tảng	65CS3	0	30		Đồ án chuyên môn	30		100	ĐAMH chuyên môn	BM chưa duyệt
☐ Bộ môn		60819	Đồ án Phát triển ứng dụng đa nền tảng	65CS3	0	30		Đồ án chuyên môn	30		100	Đánh giá ĐAMH chuyên môn	BM chưa duyệt
☐ Bộ môn		60807	Học máy	66CS1	36	21		Lý thuyết và thực hành	50	36,00	100	Day lý thuyết	BM chưa duyệt
☐ Bộ môn		60807	Học máy	66CS1	36	21		Lý thuyết và thực hành	50	50,00	100	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
☐ Bộ môn		60807	Học máy	66CS1	36	21		Lý thuyết và thực hành	50	21,00	100	HD thực hành	BM chưa duyệt
☐ Bộ môn		60809	Xử lý ảnh	66CS1	45	0		Lý thuyết	50		100	Day lý thuyết	BM chưa duyệt

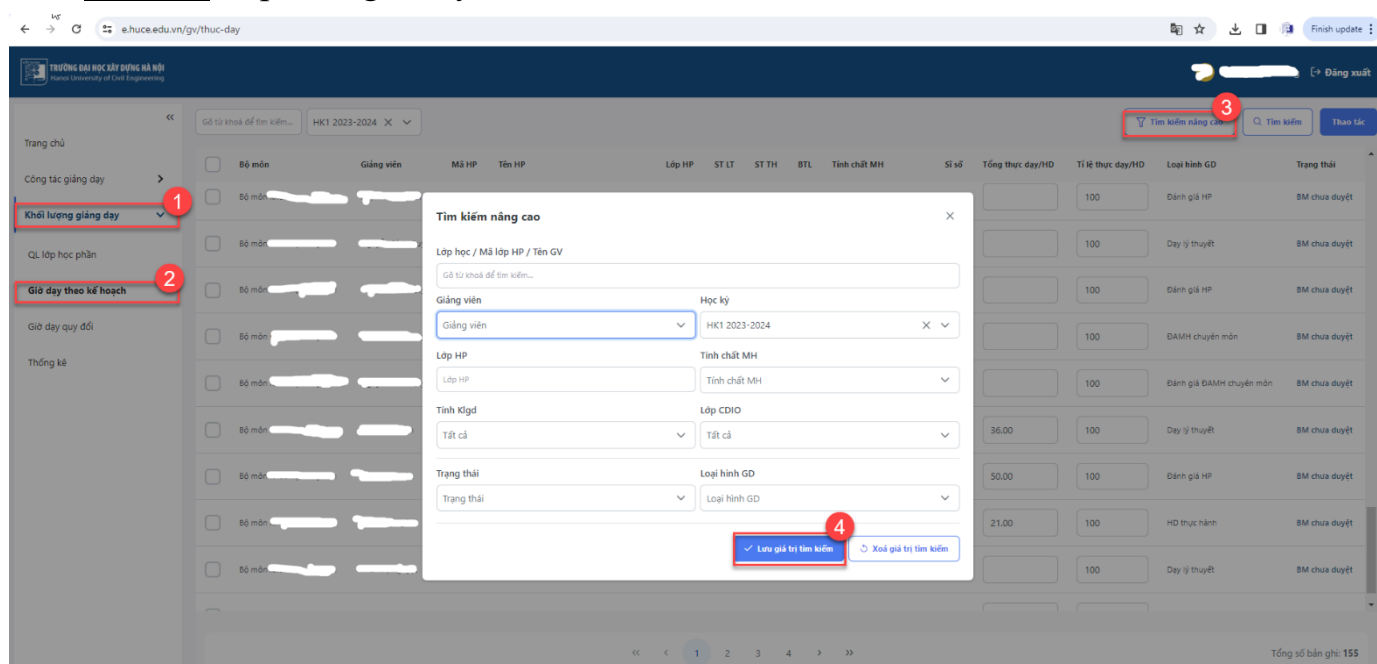
Hình minh họa nhập giá trị giờ dạy theo kế hoạch của GV

TBM kiểm tra thông tin khối lượng (số tiết dạy, số sinh viên đánh giá, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn đồ án tốt nghiệp, ...) giảng dạy của lớp học phần:

- Các lớp học phần chỉ có 01 GV giảng dạy hệ thống sẽ tự động điền giá trị thực dạy của môn học.
- Các lớp học phần có 02 GV phụ trách trở lên, giảng viên kiểm tra và khai báo giá trị thực dạy của cá nhân.

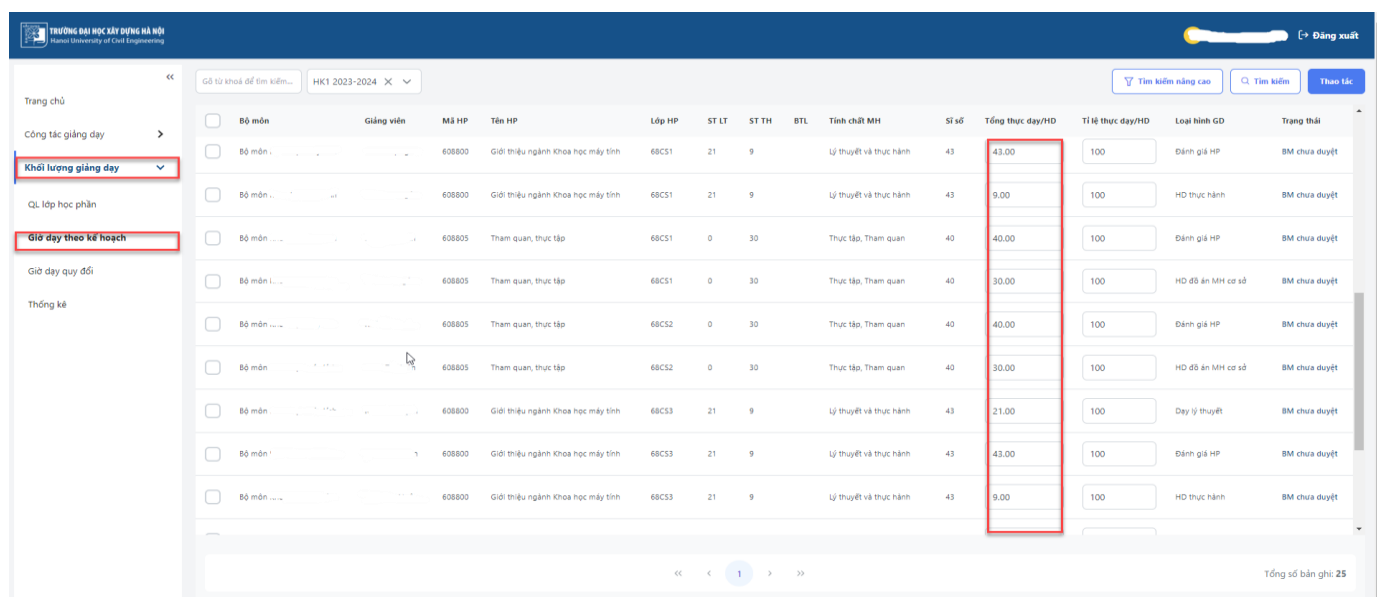
Lưu ý: Khối lượng giảng dạy của 1 lớp học phần sẽ có nhiều thành phần khối lượng. GV cập nhật khối lượng theo đúng thành phần được hiển thị tại cột **Loại hình Giảng dạy (Loại hình GD)**

Bước 4: Cập nhật giờ dạy thực tế của GV thuộc bộ môn

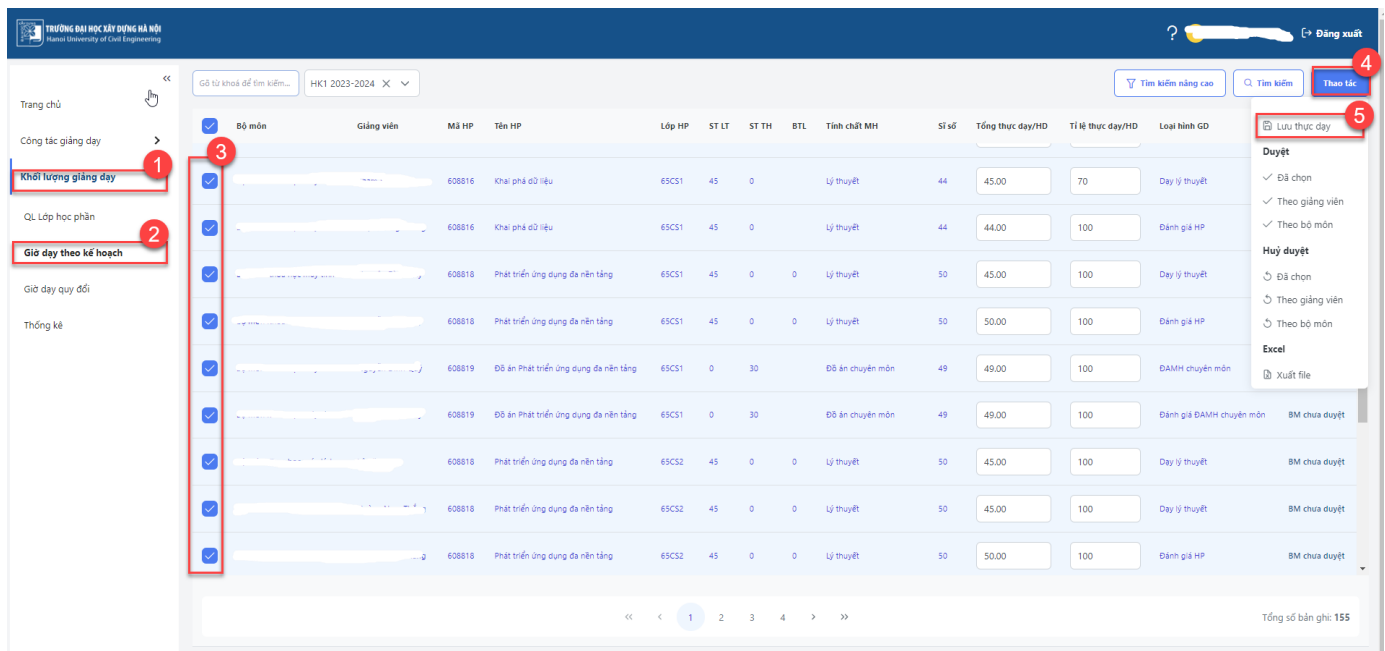


Hình minh họa thao tác vào xem khai báo khối lượng giảng dạy của GV

- 1- Khối lượng giảng dạy
- 2- Giờ dạy theo kế hoạch
- 3- Tìm kiếm nâng cao
- 4- Lưu giá trị tìm kiếm



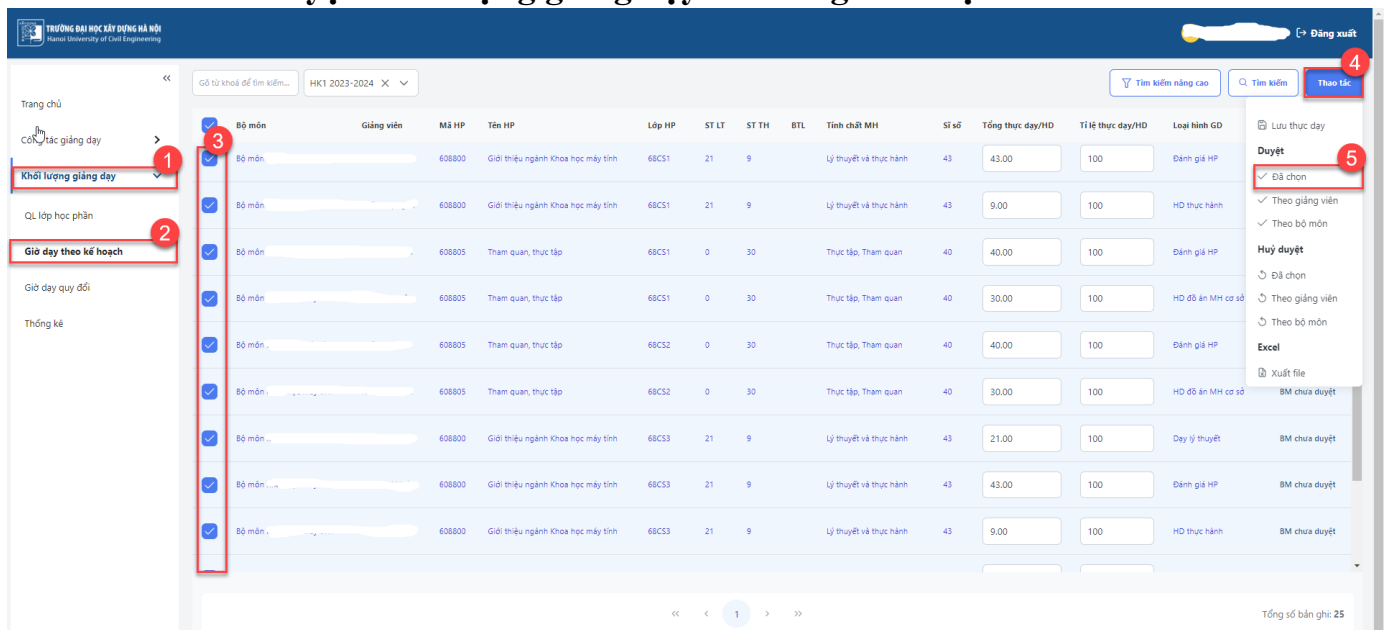
Hình minh họa giao diện cập nhật khối lượng giảng dạy của GV



Hình minh họa giao diện thực hiện thao tác lưu tổng thực dạy/HD

Sau khi chỉnh sửa thông tin khối lượng giảng dạy, TBM lưu kết quả bằng nút **Thao tác** → **Lưu thực dạy**

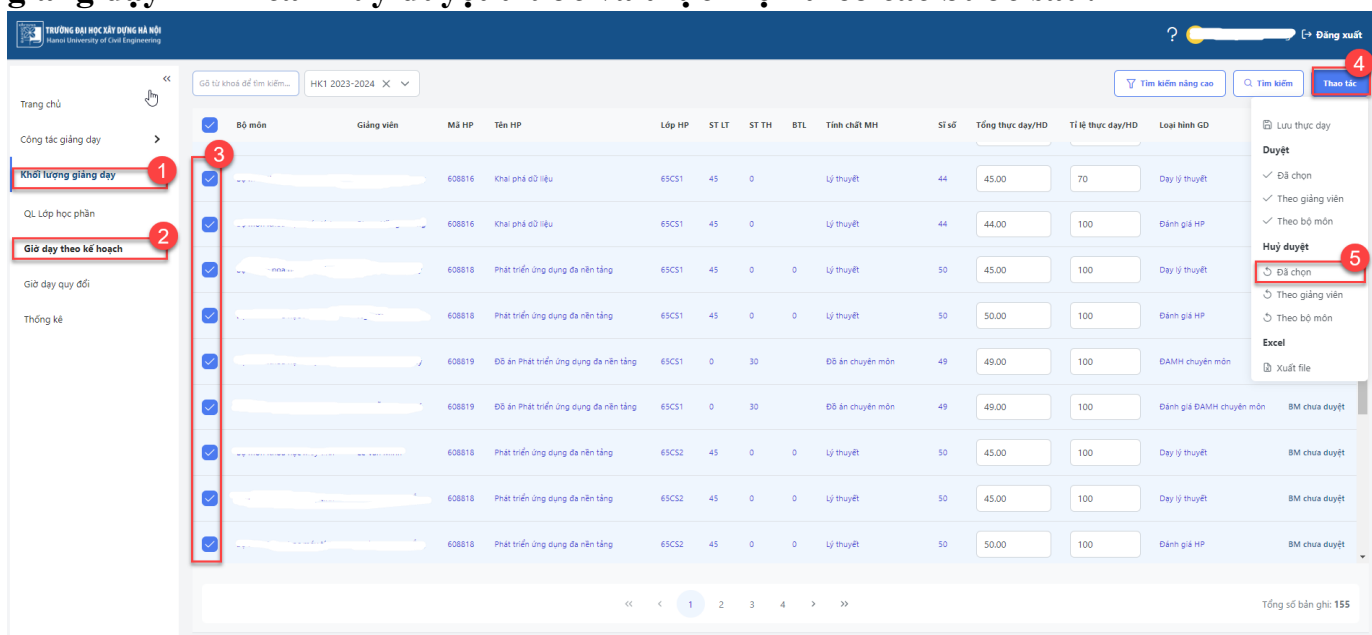
✓ Các bước duyệt khối lượng giảng dạy của từng môn học:



Hình minh họa giao diện các bước duyệt khối lượng giảng dạy

- 1 - TBM nhấn vào Khối lượng giảng dạy
- 2 - Nhấn vào Giờ dạy theo kế hoạch
- 3 - Tích chọn các lớp học phần duyệt khối lượng giảng dạy
- 4 - Nhấn vào Thao tác
- 5 - Nhấn vào đã chọn

✓ Đối với những môn đã duyệt khối lượng giảng dạy. Để cập nhật lại khối lượng giảng dạy TBM cần hủy duyệt trước và thực hiện theo các bước sau:



Hình minh họa giao diện các bước hủy duyệt khối lượng giảng dạy

- 1 - TBM nhấn vào Khối lượng giảng dạy
- 2 - Nhấn vào Giờ dạy theo kế hoạch
- 3 - Tích chọn các lớp học phần hủy duyệt khối lượng giảng dạy
- 4 - Nhấn vào Thao tác
- 5 - Nhấn vào Đã chọn

Sau khi hủy duyệt xong TBM duyệt lại khối lượng theo hướng dẫn phần **“Các bước duyệt khối lượng giảng dạy của từng môn học”**.

Lưu ý:

- Trước khi **“Duyệt”** khối lượng TBM phải thực hiện nhấn vào **“Lưu thực dạy”**.
- Phòng QL Đào tạo đã duyệt khối lượng (Trạng thái **“Đào tạo đã duyệt”**) TBM sẽ không có quyền chỉnh sửa lại khối lượng. Nếu muốn chỉnh sửa TBM liên hệ với phòng QL Đào tạo để nhận sự hỗ trợ.

Bước 5: TBM thống kê, kiểm tra, duyệt giờ dạy theo kế hoạch toàn Bộ môn

Mã HP	Tên HP	Lớp HP	ST LT	ST TH	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy	Loại hình GD	Trạng thái
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	68XD6	18	21		Lý thuyết và Thực hành	51	0	Dạy lý thuyết	BM chưa duyệt
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	68XD6	18	21		Lý thuyết và Thực hành	51	0	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
450211	Công nghệ thông tin cơ bản	68XD6	18	21		Lý thuyết và Thực hành	51	0	HD thực hành	BM chưa duyệt
458804	Công nghệ thông tin cơ bản	67KDN7C1	18	21		Lý thuyết và thực hành	50	0	Dạy lý thuyết	BM chưa duyệt
458804	Công nghệ thông tin cơ bản	67KDN7C1	18	21		Lý thuyết và thực hành	50	0	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
458804	Công nghệ thông tin cơ bản	67KDN7C1	18	21		Lý thuyết và thực hành	50	0	HD thực hành	BM chưa duyệt
458804	Công nghệ thông tin cơ bản	68ME2	18	21		Lý thuyết và thực hành	55	18	Dạy lý thuyết	BM chưa duyệt
458804	Công nghệ thông tin cơ bản	68ME2	18	21		Lý thuyết và thực hành	55	55	Đánh giá HP	BM chưa duyệt
458804	Công nghệ thông tin cơ bản	68ME2	18	21		Lý thuyết và thực hành	55	21	HD thực hành	BM chưa duyệt
468803	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	LDPN27	30	27		Lý thuyết và thực hành	21	3	Dạy lý thuyết	BM đã duyệt
468803	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	LDPN27	30	27		Lý thuyết và thực hành	21	9	Đánh giá HP	BM đã duyệt
468803	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	LDPN27	30	27		Lý thuyết và thực hành	21	0	HD thực hành	BM đã duyệt
468803	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	DQ783	30	27		Lý thuyết và thực hành	4	30	Dạy lý thuyết	BM chưa duyệt
468803	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	DQ783	30	27		Lý thuyết và thực hành	4	4	Đánh giá HP	BM chưa duyệt

Hình minh họa giao diện thao tác xem thống kê giờ dạy theo kế hoạch

TBM vào menu thống kê các lớp học phần thuộc bộ môn quản lý để xem giờ dạy theo kế hoạch của các GV. Những lớp chưa nhập đủ khối lượng sẽ có màu vàng.

Bước 6: TBM xem và kiểm tra giờ dạy quy đổi

Sau khi phòng Quản lý Đào tạo duyệt khối lượng giảng dạy cho giảng viên, giảng viên thực hiện theo các bước sau để vào xem và kiểm tra giờ dạy quy đổi:

Học kỳ	Giảng viên	Mã HP	Tên HP	Lớp HP	ST LT	ST TH	BTL	Tính chất MH	Sĩ số	Tổng thực dạy/HD	Tỉ lệ thực dạy/HD	Loại hình GD	Khối lượng
HK1 2023-2024		608800	Giới thiệu ngành khoa học máy tính	68CS1	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	21	100	Dạy lý thuyết	25.2
HK1 2023-2024		608800	Giới thiệu ngành khoa học máy tính	68CS1	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	43	100	Đánh giá HP	15.45
HK1 2023-2024		608800	Giới thiệu ngành khoa học máy tính	68CS1	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	9	100	HD thực hành	11.61
HK1 2023-2024		608800	Giới thiệu ngành khoa học máy tính	68CS3	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	21	100	Dạy lý thuyết	25.2
HK1 2023-2024		608800	Giới thiệu ngành khoa học máy tính	68CS3	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	43	100	Đánh giá HP	15.45
HK1 2023-2024		608800	Giới thiệu ngành khoa học máy tính	68CS3	21	9		Lý thuyết và thực hành	43	9	100	HD thực hành	11.61
HK1 2023-2024		608805	Tham quan, thực tập	68CS1	0	30		Thực tập, Tham quan	40	40	100	Đánh giá HP	14.4
HK1 2023-2024		608805	Tham quan, thực tập	68CS2	0	30		Thực tập, Tham quan	40	40	100	Đánh giá HP	14.4
HK1 2023-2024		608807	Học máy	66CS1	36	21		Lý thuyết và thực hành	50	36	100	Dạy lý thuyết	43.2
HK1 2023-2024		608807	Học máy	66CS1	36	21		Lý thuyết và thực hành	50	50	100	Đánh giá HP	18
HK1 2023-2024		608807	Học máy	66CS1	36	21		Lý thuyết và thực hành	50	21	100	HD thực hành	31.3
HK1 2023-2024		608808	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	66CS2	45	0		Lý thuyết	50	45	100	Dạy lý thuyết	54
HK1 2023-2024		608808	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	66CS2	45	0		Lý thuyết	50	50	100	Đánh giá HP	18

Hình minh họa giao diện thao tác xem giờ dạy quy đổi

Tại màn hình này TBM có thể xuất ra **file excel** và **file pdf** khối lượng giảng dạy sau khi đã được quy đổi của toàn Bộ môn.

The screenshot displays the TBM system interface. On the left, a sidebar contains navigation options: 'Trang chủ', 'Công tác giảng dạy', 'Khối lượng giảng dạy' (highlighted with a red box and number 1), 'QL lớp học phần', 'Giờ dạy theo kế hoạch', 'Giáo dục quy đổi' (highlighted with a red box and number 2), and 'Thống kê'. The main area shows a table with columns: 'Học kỳ', 'Giảng viên', 'Mã HP', 'Tên HP', 'Lớp HP', 'ST LT', 'ST TH', 'BTL', 'Tính chất MH', 'Số tiết', 'Tổng thực dạy/HĐ', 'Tỉ lệ thực dạy/HĐ', and 'Loại hình'. The table lists various teaching activities for the 2023-2024 academic year. At the bottom right, a red box highlights the 'Xuất file' button, with a dropdown menu showing options: 'Xuất Excel (1)', 'Xuất Excel (2)', 'Xuất Excel (3)', and 'Xuất pdf'. A red arrow points to the 'Xuất file' button, and a red box with the number 3 is next to it. The bottom right corner of the interface shows 'TỔNG KLGD: 298.08'.

Hình minh họa giao diện thao tác xuất file excel

TRẦN TRỌNG CẢM ƠN THẦY(CÔ) ĐÃ ĐỌC TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN